

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 217, 218 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 04 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết tranh chấp là tự nguyện; Nội dung thoả thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

\* **Nguyên đơn:** Bà Lường Thị U; sinh ngày 01/01/1964; Địa chỉ: Bản N2, xã N, TP Đ, tỉnh Đ

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lường Thị U:* Ông Nguyễn Hữu L. Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ.

\* **Bị đơn:**

- Ông Lò Văn S; sinh năm 1961; Địa chỉ: Bản N5, xã N2, TP Đ, tỉnh Đ.

- Bà Quàng Thị L; sinh năm 1958; Địa chỉ: Bản N5, xã N2, TP Đ, tỉnh Đ.

\* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ. Địa chỉ: 315 Võ Nguyên Giáp, phường H, TP Đ, tỉnh Đ.

- Bà Lường Thị A; Địa chỉ: Bản N2, xã N, TP Đ, tỉnh Đ.

- Bà Lường Thị V; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N3, TP Đ, tỉnh Đ.

- Ông Lường Văn T; Địa chỉ: Bản P, xã N, TP Đ, tỉnh Đ.

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lường Văn T, bà Lường Thị A, Lường Thị V:* Ông Nguyễn Hữu L. Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ.

- Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ. Địa chỉ: Bản N2, xã N, TP Đ, tỉnh Đ. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị T1. Chức vụ: Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mùa A H, Chức vụ: Phó Chủ tịch.

- Ông Quảng Văn S, địa chỉ: Bản N1, xã N, TP Đ, tỉnh Đ (nguyên chủ tịch UBND xã N).

- Ông Lò Văn T2, địa chỉ: bản T, xã N, TP Đ, tỉnh Đ (nguyên địa chính xã N).

## **2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Bà Lương Thị U, bà Lương Thị V, bà Lương Thị A, ông Lương Văn T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất 11.293,0m<sup>2</sup> và nhà ở trên đất đối với thửa đất số 41, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số: CP 025145, số vào sổ GCN: CS01687, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 24/01/2019, mang tên bà Quảng Thị L, địa chỉ thửa đất: Bản P 2, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Đ có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp đất ông S
- Phía Tây giáp đường bê tông bản
- Phía Nam giáp đất bà U
- Phía Bắc giáp đất ông B

(Có Sơ đồ hiện trạng thửa đất của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường Điện Biên gửi kèm theo).

- Bà Vân được quyền thay mặt cho bà U, bà A, ông T nhận lại toàn bộ tài sản từ ông Sương, bà Lả vào ngày 07/8/2024 và được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản được bàn giao theo giấy chứng nhận QSDĐ số: CP 025145, số vào sổ GCN: CS01687, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 24/01/2019, mang tên bà Quảng Thị L và theo sơ đồ hiện trạng của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, theo biên bản xem xét thẩm định T chỗ ngày 05/01/2024.

Bà Vân được quyền liên hệ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số: CP 025145, số vào sổ GCN: CS01687, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 24/01/2019, mang tên bà Quảng Thị L để chỉnh lý, cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên bà Lương Thị V đối với thửa đất đã được xác định trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CP 025145, số vào sổ GCN: CS01687, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 24/01/2019.

Ông Lò Văn S và bà Quảng Thị L được quyền thu hoạch cá (trong ao), vật nuôi, cây giống được ươm trong bầu, cây nhỏ có chiều cao dưới 50cm và hàng rào dây thép gai bao quanh bờ ao đã được xác định theo Biên bản xem xét thẩm định T chỗ ngày 05/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ. Ông Sương, bà Lả phải thu hoạch xong trước ngày 07/8/2024.

2.2. Bà Lương Thị U và bà Lương Thị A, bà Lương Thị V, ông Lương Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Lò Văn S và bà Quảng Thị L số tiền là: 570.000.000

VND (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi triệu đồng chẵn) vào ngày 07/8/2024 bằng tiền mặt.

2.3. Kể từ ngày các đương sự có đơn yêu cầu thi hành án nếu các đương sự không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền phải trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định Tkh khoản 2 Điều 468/BLDS năm 2015.

**3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn T về việc:** Yêu cầu Chủ tịch UBND xã N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên văn bản chứng thực số 25, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 01/11/2018.

**4. Về chi phí tố tụng:** Chi phí xem xét thẩm định Tchỗ và định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định Tchỗ và định giá tài sản là 19.500.000 đồng. Bà Lương Thị U phải chịu 9.750.000 đồng; Ông Lò Văn S, bà Quàng Thị L phải chịu 9.750.000 đồng. Bà U đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định Tchỗ và định giá tài sản, nên Ông Sương, bà L phải trả cho bà U tiền chi phí xem xét thẩm định Tchỗ và định giá tài sản là 9.750.000 đồng vào ngày 07/8/2024. Bà U thống nhất để cho bà Vân nhận số tiền này.

**5. Về án phí:** Căn cứ Điều 147, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 15, khoản 7 Điều 26, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Bà U, ông Sương, bà L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí DSST (án phí DSST không có giá ngạch, án phí DSST có giá ngạch). Trả lại cho bà U tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng bà U đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002204 ngày 23/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ.

- Ông Trút toàn bộ yêu cầu độc lập nên được trả lại tiền tạm ứng án phí DSST là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002213 ngày 04/01/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ (Lê Đình Hải nộp thay cho Lương Văn T).

**6. Nội dung Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.** Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị đối với nội dung đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**7. Quyết định này được thi hành theo quy định TĐiêu 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định Tcác Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân**

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định TĐiều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thị Thanh Thủy**

